

Kinh Đại Bát-Nhã Ba-La-Mật-Đa
(Trọn bộ 24 tập)

Hán dịch: Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang
Việt dịch: Hòa Thượng Thích Trí Nghiêm
Khảo dịch: Hòa Thượng Thích Thiện Siêu
Sàigòn 1998

--- o0o ---

Tập 4
Quyển Thứ 76
Hội Thứ Nhất

PHẨM TỊNH ĐẠO
Thứ 21 - 2

Xá-lợi-tử! Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát nghe thuyết Bát-nhã Ba-la-mật-đa, tâm không nghi hoặc, cũng chẳng mê muội. Phải biết Bồ-tát Ma-ha-tát này trụ an trụ như vậy, chẳng rời tác ý, nghĩa là đại bi tác ý muốn cứu hộ tất cả hữu tình, thường chẳng bỏ rời tất cả hữu tình.

Khi ấy, Xá-lợi-tử bảo Thiện Hiện rằng: Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát trụ an trụ như vậy, chẳng rời tác ý ấy, thời tất cả hữu tình cũng ưng thành Bồ-tát Ma-ha-tát. Vì có sao? Vì tất cả hữu tình cũng thường chẳng rời tác ý này vậy. Vậy thời Bồ-tát Ma-ha-tát cùng tất cả hữu tình lẽ không sai khác.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện khen Xá-lợi-tử rằng: Hay thay, hay thay! Thật như lời vừa nói. Năng như thật khéo lấy đúng nghĩa tôi đã nói. Sở vì sao? Xá-lợi-tử! Hữu tình chẳng phải có vậy, nên phải biết tác ý cũng chẳng phải có. Ngã, mạng giả, sanh giả, dưỡng giả, sĩ phu, bổ-đặc-già-la, ý sanh, nho đồng, tác giả, thọ giả, tri giả, kiến giả chẳng phải có vậy, nên phải biết tác ý cũng chẳng phải có. Hữu tình không có thật, nên phải biết tác ý cũng không có thật. Ngã cho đến kiến giả không có thật, nên phải biết tác ý cũng không có thật. Hữu tình không có tự tánh, nên phải biết tác ý cũng không có tự tánh. Ngã cho đến kiến giả không có tự tánh, nên phải biết tác ý cũng không có tự tánh. Hữu tình không vậy, nên phải biết tác ý cũng không. Ngã cho đến kiến giả không vậy, nên phải biết tác ý cũng không. Hữu tình xa lìa, nên phải biết tác ý cũng xa lìa. Ngã cho đến kiến giả xa lìa, nên phải biết tác ý cũng xa lìa. Hữu tình vắng lặng, nên phải biết tác ý cũng vắng lặng. Ngã cho đến kiến giả vắng lặng, nên phải biết tác ý cũng vắng lặng. Hữu tình vô giác tri, nên phải biết tác ý cũng vô giác tri. Ngã cho đến kiến giả vô giác tri, nên phải biết tác ý cũng vô giác tri.

Xá-lợi-tử! Sắc chẳng phải có, nên biết tác ý cũng chẳng phải có. Thọ tướng hành thức chẳng phải có, nên biết tác ý cũng chẳng phải có. Sắc không có thật, nên phải biết tác ý cũng không có thật. Thọ tướng hành thức không có thật, nên phải biết tác ý cũng không có thật. Sắc không có tự tánh, nên phải biết tác ý cũng không có tự tánh. Thọ tướng hành thức không có tự tánh, nên phải biết tác ý cũng không có tự tánh. Sắc không, nên phải biết tác ý cũng không. Thọ tướng hành thức không, nên phải biết tác ý cũng không. Sắc xa lìa, nên phải biết tác ý cũng xa lìa. Thọ tướng hành thức xa lìa, nên phải biết tác ý cũng xa lìa. Sắc vắng lặng, nên phải biết tác ý cũng vắng lặng. Thọ tướng hành thức vắng lặng, nên phải biết tác ý cũng vắng lặng. Sắc vô giác tri, nên phải biết tác ý cũng vô giác tri. Thọ tướng hành thức vô giác tri, nên phải biết tác ý cũng vô giác tri.

Xá-lợi-tử! Nhân xứ chẳng phải có, nên biết tác ý cũng chẳng phải có. Nhĩ tỷ thiết thân ý xứ chẳng phải có, nên biết tác ý cũng chẳng phải có. Nhân xứ không có thật, nên phải biết tác ý cũng không có thật. Nhĩ tỷ thiết thân ý xứ không có thật, nên phải biết tác ý cũng không có thật. Nhân xứ không có tự tánh, nên phải biết tác ý cũng không có tự tánh. Nhĩ tỷ thiết thân ý xứ không có tự tánh, nên phải biết tác ý cũng không có tự tánh. Nhân xứ không, nên phải biết tác ý cũng không. Nhĩ tỷ thiết thân ý xứ không, nên phải biết tác ý cũng không. Nhân xứ xa lìa, nên phải biết tác ý cũng xa lìa.

Nhĩ tỷ thiệt thân ý xứ xa lìa, nên phải biết tác ý cũng xa lìa. Nhân xứ vắng lặng, nên phải biết tác ý cũng vắng lặng. Nhĩ tỷ thiệt thân ý xứ vắng lặng, nên phải biết tác ý cũng vắng lặng. Nhân xứ vô giác tri, nên phải biết tác ý cũng vô giác tri. Nhĩ tỷ thiệt thân ý xứ vô giác tri, nên phải biết tác ý cũng vô giác tri.

Xá-lợi-tử! Sắc xứ chẳng phải có, nên biết tác ý cũng chẳng phải có. Thanh hương vị xúc pháp xứ chẳng phải có, nên biết tác ý cũng chẳng phải có. Sắc xứ không có thật, nên phải biết tác ý cũng không có thật. Thanh hương vị xúc pháp xứ không có thật, nên phải biết tác ý cũng không có thật. Sắc xứ không có tự tánh, nên phải biết tác ý cũng không có tự tánh. Thanh hương vị xúc pháp xứ không có tự tánh, nên phải biết tác ý cũng không có tự tánh. Sắc xứ không, nên phải biết tác ý cũng không. Thanh hương vị xúc pháp xứ không, nên phải biết tác ý cũng không. Sắc xứ xa lìa, nên phải biết tác ý cũng xa lìa. Thanh hương vị xúc pháp xứ xa lìa, nên phải biết tác ý cũng xa lìa. Sắc xứ vắng lặng, nên phải biết tác ý cũng vắng lặng. Thanh hương vị xúc pháp xứ vắng lặng, nên phải biết tác ý cũng vắng lặng. Sắc xứ vô giác tri, nên phải biết tác ý cũng vô giác tri. Thanh hương vị xúc pháp xứ vô giác tri, nên phải biết tác ý cũng vô giác tri.

Xá-lợi-tử! Nhãn giới chẳng phải có, nên biết tác ý cũng chẳng phải có. Sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc, nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ chẳng phải có, nên biết tác ý cũng chẳng phải có. Nhãn giới không có thật, nên phải biết tác ý cũng không có thật. Sắc giới cho đến nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ không có thật, nên phải biết tác ý cũng không có thật. Nhãn giới không có tự tánh, nên phải biết tác ý cũng không có tự tánh. Sắc giới cho đến nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ không có tự tánh, nên phải biết tác ý cũng không có tự tánh. Nhãn giới không, nên phải biết tác ý cũng không. Sắc giới cho đến nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ không, nên phải biết tác ý cũng không. Nhãn giới xa lìa, nên phải biết tác ý cũng xa lìa. Sắc giới cho đến nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ xa lìa, nên phải biết tác ý cũng xa lìa. Nhãn giới vắng lặng, nên phải biết tác ý cũng vắng lặng. Sắc giới cho đến nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ vắng lặng, nên phải biết tác ý cũng vắng lặng. Nhãn giới vô giác tri, nên phải biết tác ý cũng vô giác tri. Sắc giới cho đến nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ vô giác tri, nên phải biết tác ý cũng vô giác tri.

Xá-lợi-tử! Nhĩ giới chẳng phải có, nên biết tác ý cũng chẳng phải có. Thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc, nhĩ xúc làm duyên sanh ra các thọ chẳng phải có, nên biết tác ý cũng chẳng phải có. Nhĩ giới không có thật, nên phải biết tác ý cũng không có thật. Thanh giới cho đến nhĩ xúc làm duyên sanh ra các thọ không có thật, nên phải biết tác ý cũng không có thật. Nhĩ giới không có tự tánh, nên phải biết tác ý cũng không có tự tánh. Thanh giới cho đến nhĩ xúc làm duyên sanh ra các thọ không có tự tánh, nên phải biết tác ý cũng không có tự tánh. Nhĩ giới không, nên phải biết tác ý cũng không. Thanh giới cho đến nhĩ xúc làm duyên sanh ra các thọ không, nên phải biết tác ý cũng không. Nhĩ giới xa lìa, nên phải biết tác ý cũng xa lìa. Thanh giới cho đến nhĩ xúc làm duyên sanh ra các thọ xa lìa, nên phải biết tác ý cũng xa lìa. Nhĩ giới vắng lặng, nên phải biết tác ý cũng vắng lặng. Thanh giới cho đến nhĩ xúc làm duyên sanh ra các thọ vắng lặng, nên phải biết tác ý cũng vắng lặng. Nhĩ giới vô giác tri, nên phải biết tác ý cũng vô giác tri. Thanh giới cho đến nhĩ xúc làm duyên sanh ra các thọ vô giác tri, nên phải biết tác ý cũng vô giác tri.

Xá-lợi-tử! Tỷ giới chẳng phải có, nên biết tác ý cũng chẳng phải có. Hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc, tỷ xúc làm duyên sanh ra các thọ chẳng phải có, nên biết tác ý cũng chẳng phải có. Tỷ giới không có thật, nên phải biết tác ý cũng không có thật. Hương giới cho đến tỷ xúc làm duyên sanh ra các thọ không có thật, nên phải biết tác ý cũng không có thật. Tỷ giới không có tự tánh, nên phải biết tác ý cũng không có tự tánh. Hương giới cho đến tỷ xúc làm duyên sanh ra các thọ không có tự tánh, nên phải biết tác ý cũng không có tự tánh. Tỷ giới không, nên phải biết tác ý cũng không. Hương giới cho đến tỷ xúc làm duyên sanh ra các thọ không, nên phải biết tác ý cũng không. Tỷ giới xa lìa, nên phải biết tác ý cũng xa lìa. Hương giới cho đến tỷ xúc làm duyên sanh ra các thọ xa lìa, nên phải biết tác ý cũng xa lìa. Tỷ giới vắng lặng, nên phải biết tác ý cũng vắng lặng. Hương giới cho đến tỷ xúc làm duyên sanh ra các thọ vắng lặng, nên phải biết tác ý cũng vắng lặng. Tỷ giới vô giác tri, nên phải biết tác ý cũng vô giác tri. Hương giới cho đến tỷ xúc làm duyên sanh ra các thọ vô giác tri, nên phải biết tác ý cũng vô giác tri.

biết tác ý cũng xa lìa. Tập diệt đạo thánh đế xa lìa, nên phải biết tác ý cũng xa lìa. Khổ thánh đế vắng lặng, nên phải biết tác ý cũng vắng lặng. Tập diệt đạo thánh đế vắng lặng, nên phải biết tác ý cũng vắng lặng. Khổ thánh đế vô giác tri, nên phải biết tác ý cũng vô giác tri. Tập diệt đạo thánh đế vô giác tri, nên phải biết tác ý cũng vô giác tri.

Xá-lợi-tử! Vô minh chẳng phải có, nên biết tác ý cũng chẳng phải có. Hành, thức, danh, sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử sâu thán khổ ưu não chẳng phải có, nên biết tác ý cũng chẳng phải có. Vô minh không có thật, nên phải biết tác ý cũng không có thật. Hành cho đến lão tử sâu thán khổ ưu não không có thật, nên phải biết tác ý cũng không có thật. Vô minh không có tự tánh, nên phải biết tác ý cũng không có tự tánh. Hành cho đến lão tử sâu thán khổ ưu não không có tự tánh, nên phải biết tác ý cũng không có tự tánh. Vô minh không, nên phải biết tác ý cũng không. Hành cho đến lão tử sâu thán khổ ưu não không, nên phải biết tác ý cũng không. Vô minh xa lìa, nên phải biết tác ý cũng xa lìa. Hành cho đến lão tử sâu thán khổ ưu não xa lìa, nên phải biết tác ý cũng xa lìa. Vô minh vắng lặng, nên phải biết tác ý cũng vắng lặng. Hành cho đến lão tử sâu thán khổ ưu não vắng lặng, nên phải biết tác ý cũng vắng lặng. Vô minh vô giác tri, nên phải biết tác ý cũng vô giác tri. Hành cho đến lão tử sâu thán khổ ưu não vô giác tri, nên phải biết tác ý cũng vô giác tri.

Xá-lợi-tử! Nội không chẳng phải có, nên biết tác ý cũng chẳng phải có. Ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, trống nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô tế không, tán không, vô biến dị không, bản tánh không, tự tướng không, cộng tướng không, nhất thiết pháp không, bất khả đắc không, vô tánh không, tự tánh không, vô tánh tự tánh không chẳng phải có, nên biết tác ý cũng chẳng phải có. Nội không không có thật, nên phải biết tác ý cũng không có thật. Ngoại không cho đến vô tánh tự tánh không không có thật, nên phải biết tác ý cũng không có thật. Nội không không có tự tánh, nên phải biết tác ý cũng không có tự tánh. Ngoại không cho đến vô tánh tự tánh không không có tự tánh, nên phải biết tác ý cũng không có tự tánh. Nội không không, nên phải biết tác ý cũng không. Ngoại không cho đến vô tánh tự tánh không không, nên phải biết tác ý cũng không. Nội không xa lìa, nên phải biết tác ý cũng xa lìa. Ngoại không cho đến vô tánh tự tánh không xa lìa, nên phải biết tác ý cũng xa lìa. Nội không vắng lặng, nên phải biết tác ý cũng vắng lặng. Ngoại không cho đến vô tánh tự tánh không vắng lặng, nên phải biết tác ý cũng vắng lặng. Nội không vô giác tri, nên phải biết tác ý cũng vô giác tri. Ngoại không cho đến vô tánh tự tánh không vô giác tri, nên phải biết tác ý cũng vô giác tri.

Xá-lợi-tử! Chơn như chẳng phải có, nên biết tác ý cũng chẳng phải có. Pháp giới, pháp tánh, bất hư vọng tánh, bất biến dị tánh, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế, hư không giới, bất tư nghì giới chẳng phải có, nên biết tác ý cũng chẳng phải có. Chơn như không có thật, nên phải biết tác ý cũng không có thật. Pháp giới cho đến bất tư nghì giới không có thật, nên phải biết tác ý cũng không có thật. Chơn như không có tự tánh, nên phải biết tác ý cũng không có tự tánh. Pháp giới cho đến bất tư nghì giới không có tự tánh, nên phải biết tác ý cũng không có tự tánh. Chơn như không, nên phải biết tác ý cũng không. Pháp giới cho đến bất tư nghì giới không, nên phải biết tác ý cũng không. Chơn như xa lìa, nên phải biết tác ý cũng xa lìa. Pháp giới cho đến bất tư nghì giới xa lìa, nên phải biết tác ý cũng xa lìa. Chơn như vắng lặng, nên phải biết tác ý cũng vắng lặng. Pháp giới cho đến bất tư nghì giới vắng lặng, nên phải biết tác ý cũng vắng lặng. Chơn như vô giác tri, nên phải biết tác ý cũng vô giác tri. Pháp giới cho đến bất tư nghì giới vô giác tri, nên phải biết tác ý cũng vô giác tri.

Xá-lợi-tử! Bồ thí Ba-la-mật-đa chẳng phải có, nên biết tác ý cũng chẳng phải có. Tịnh giới, An nhãn, Tinh tiến, Tĩnh lực, Bát-nhã Ba-la-mật-đa chẳng phải có, nên biết tác ý cũng chẳng phải có. Bồ thí Ba-la-mật-đa không có thật, nên phải biết tác ý cũng không có thật. Tịnh giới cho đến Bát-nhã Ba-la-mật-đa không có thật, nên phải biết tác ý cũng không có thật. Bồ thí Ba-la-mật-đa không có tự tánh, nên phải biết tác ý cũng không có tự tánh. Tịnh giới cho đến Bát-nhã Ba-la-mật-đa không có tự tánh, nên phải biết tác ý cũng không có tự tánh. Bồ thí Ba-la-mật-đa không, nên phải biết tác ý cũng không. Tịnh giới cho đến Bát-nhã Ba-la-mật-đa không, nên phải biết tác ý cũng không. Bồ thí Ba-la-mật-đa xa lìa, nên phải biết tác ý cũng xa lìa. Tịnh giới cho đến Bát-nhã Ba-la-mật-đa xa lìa, nên phải biết tác ý cũng xa lìa. Bồ thí Ba-la-mật-đa vắng lặng, nên phải biết tác ý cũng vắng lặng. Tịnh giới cho đến Bát-nhã Ba-la-mật-đa vắng lặng, nên phải biết tác ý cũng vắng lặng. Bồ thí

Ba-la-mật-đa vô giác tri, nên phải biết tác ý cũng vô giác tri. Tịnh giới cho đến Bát-nhã Ba-la-mật-đa vô giác tri, nên phải biết tác ý cũng vô giác tri.

Xá-lợi-tử! Bốn tinh lự chẳng phải có, nên biết tác ý cũng chẳng phải có. Bốn vô lượng, bốn vô sắc định chẳng phải có, nên phải biết tác ý cũng chẳng phải có. Bốn tinh không có thật, nên phải biết tác ý cũng không có thật. Bốn vô lượng, bốn vô sắc định không có thật, nên phải biết tác ý cũng không có thật. Bốn tinh lự không có tự tánh, nên phải biết tác ý cũng không có tự tánh. Bốn vô lượng, bốn vô sắc định không có tự tánh, nên phải biết tác ý cũng không có tự tánh. Bốn tinh lự không, nên phải biết tác ý cũng không. Bốn vô lượng, bốn vô sắc định không, nên phải biết tác ý cũng không. Bốn tinh lự xa lìa, nên phải biết tác ý cũng xa lìa. Bốn vô lượng, bốn vô sắc định xa lìa, nên phải biết tác ý cũng xa lìa. Bốn tinh lự vắng lặng, nên phải biết tác ý cũng vắng lặng. Bốn vô lượng, bốn vô sắc định vắng lặng, nên phải biết tác ý cũng vắng lặng. Bốn tinh tự vô giác tri, nên phải biết tác ý cũng vô giác tri. Bốn vô lượng, bốn vô sắc định vô giác tri, nên phải biết tác ý cũng vô giác tri.

Xá-lợi-tử! Tám giải thoát chẳng phải có, nên biết tác ý cũng chẳng phải có. Tám thắng xứ, chín thứ đệ định, mười biến xứ chẳng phải có, nên biết tác ý cũng chẳng phải có. Tám giải thoát không có thật, nên phải biết tác ý cũng không có thật. Tám thắng xứ, chín thứ đệ định, mười biến xứ không có thật, nên phải biết tác ý cũng không có thật. Tám giải thoát không có tự tánh, nên phải biết tác ý cũng không có tự tánh. Tám thắng xứ, chín thứ đệ định, mười biến xứ không có tự tánh, nên phải biết tác ý cũng không có tự tánh. Tám giải thoát không, nên phải biết tác ý cũng không. Tám thắng xứ, chín thứ đệ định, mười biến xứ không, nên phải biết tác ý cũng không. Tám giải thoát xa lìa, nên phải biết tác ý cũng xa lìa. Tám thắng xứ, chín thứ đệ định, mười biến xứ xa lìa, nên phải biết tác ý cũng xa lìa. Tám giải thoát vắng lặng, nên phải biết tác ý cũng vắng lặng. Tám thắng xứ, chín thứ đệ định, mười biến xứ vắng lặng, nên phải biết tác ý cũng vắng lặng. Tám giải thoát vô giác tri, nên phải biết tác ý cũng vô giác tri. Tám thắng xứ, chín thứ đệ định, mười biến xứ vô giác tri, nên phải biết tác ý cũng vô giác tri.

Xá-lợi-tử! Bốn niệm trụ chẳng phải có, nên biết tác ý cũng chẳng phải có. Bốn chánh đoạn, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy đẳng giác chi, tám thánh đạo chi chẳng phải có, nên biết tác ý cũng chẳng phải có. Bốn niệm trụ không có thật, nên phải biết tác ý cũng không có thật. Bốn chánh đoạn cho đến tám thánh đạo chi không có thật, nên phải biết tác ý cũng không có thật. Bốn niệm trụ không có tự tánh, nên phải biết tác ý cũng không có tự tánh. Bốn chánh đoạn cho đến tám thánh đạo chi không có tự tánh, nên phải biết tác ý cũng không có tự tánh. Bốn niệm trụ không, nên phải biết tác ý cũng không. Bốn chánh đoạn cho đến tám thánh đạo chi không, nên phải biết tác ý cũng không. Bốn niệm trụ xa lìa, nên phải biết tác ý cũng xa lìa. Bốn chánh đoạn cho đến tám thánh đạo chi xa lìa, nên phải biết tác ý cũng xa lìa. Bốn niệm trụ vắng lặng, nên phải biết tác ý cũng vắng lặng. Bốn chánh đoạn cho đến tám thánh đạo chi vắng lặng, nên phải biết tác ý cũng vắng lặng. Bốn niệm trụ vô giác tri, nên phải biết tác ý cũng vô giác tri. Bốn chánh đoạn cho đến tám thánh đạo chi vô giác tri, nên phải biết tác ý cũng vô giác tri.

Xá-lợi-tử! Không giải thoát môn chẳng phải có, nên tác ý cũng chẳng phải có. Vô tướng, vô nguyện giải thoát môn chẳng phải có, nên biết tác ý cũng chẳng phải có. Không giải thoát môn không có thật, nên phải biết tác ý cũng không có thật. Vô tướng, vô nguyện giải thoát môn không có thật, nên phải biết tác ý cũng không có thật. Không giải thoát môn không có tự tánh, nên phải biết tác ý cũng không có tự tánh. Vô tướng, vô nguyện giải thoát môn không có tự tánh, nên phải biết tác ý cũng không có tự tánh. Không giải thoát môn không, nên phải biết tác ý cũng không. Vô tướng, vô nguyện giải thoát môn không, nên phải biết tác ý cũng không. Không giải thoát môn xa lìa, nên phải biết tác ý cũng xa lìa. Vô tướng, vô nguyện giải thoát môn xa lìa, nên phải biết tác ý cũng xa lìa. Không giải thoát môn vắng lặng, nên phải biết tác ý cũng vắng lặng. Vô tướng, vô nguyện giải thoát môn vắng lặng, nên phải biết tác ý cũng vắng lặng. Không giải thoát môn vô giác tri, nên phải biết tác ý cũng vô giác tri. Vô tướng, vô nguyện giải thoát môn vô giác tri, nên phải biết tác ý cũng vô giác tri.

Xá-lợi-tử! Năm nhãn chẳng phải có, nên biết tác ý cũng chẳng phải có. Sáu thần thông chẳng phải có, nên biết tác ý cũng chẳng phải có. Năm nhãn không có thật, nên phải biết tác ý cũng không có thật. Sáu thần thông không có thật, nên phải biết tác ý cũng không có thật. Năm nhãn không có tự

tánh, nên phải biết tác ý cũng không có tự tánh. Sáu thần thông không có tự tánh, nên phải biết tác ý cũng không có tự tánh. Năm nhãn không, nên phải biết tác ý cũng không. Sáu thần thông không, nên phải biết tác ý cũng không. Năm nhãn xa lìa, nên phải biết tác ý cũng xa lìa. Sáu thần thông xa lìa, nên phải biết tác ý cũng xa lìa. Năm nhãn vắng lặng, nên phải biết tác ý cũng vắng lặng. Sáu thần thông vắng lặng, nên phải biết tác ý cũng vắng lặng. Năm nhãn vô giác tri, nên phải biết tác ý cũng vô giác tri. Sáu thần thông vô giác tri, nên phải biết tác ý cũng vô giác tri.

Xá-lợi-tử! Phật mười lực chẳng phải có, nên biết tác ý cũng chẳng phải có. Bốn vô sở úy, bốn vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng phải có, nên biết tác ý cũng chẳng phải có. Phật mười lực không có thật, nên phải biết tác ý cũng không có thật. Bốn vô sở úy cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không có thật, nên phải biết tác ý cũng không có thật. Phật mười lực không có tự tánh, nên phải biết tác ý cũng không có tự tánh. Bốn vô sở úy cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không có tự tánh, nên phải biết tác ý cũng không có tự tánh. Phật mười lực không, nên phải biết tác ý cũng không. Bốn vô sở úy cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không, nên phải biết tác ý cũng không. Phật mười lực xa lìa, nên phải biết tác ý cũng xa lìa. Bốn vô sở úy cho đến mười tám pháp Phật bất cộng xa lìa, nên phải biết tác ý cũng xa lìa. Phật mười lực vắng lặng, nên phải biết tác ý cũng vắng lặng. Bốn vô sở úy cho đến mười tám pháp Phật bất cộng vắng lặng, nên phải biết tác ý cũng vắng lặng. Phật mười lực vô giác tri, nên phải biết tác ý cũng vô giác tri. Bốn vô sở úy cho đến mười tám pháp Phật bất cộng vô giác tri, nên phải biết tác ý cũng vô giác tri.

Xá-lợi-tử! Pháp vô vong thất chẳng phải có, nên biết tác ý cũng chẳng phải có. Tánh hằng trụ xả chẳng phải có, nên biết tác ý cũng chẳng phải có. Pháp vô vong thất không có thật, nên phải biết tác ý cũng không có thật. Tánh hằng trụ xả không có thật, nên phải biết tác ý cũng không có thật. Pháp vô vong thất không có tự tánh, nên phải biết tác ý cũng không có tự tánh. Tánh hằng trụ xả không có tự tánh, nên phải biết tác ý cũng không có tự tánh. Pháp vô vong thất không, nên phải biết tác ý cũng không. Tánh hằng trụ xả không, nên phải biết tác ý cũng không. Pháp vô vong thất xa lìa, nên phải biết tác ý cũng xa lìa. Tánh hằng trụ xả xa lìa, nên phải biết tác ý cũng xa lìa. Pháp vô vong thất vắng lặng, nên phải biết tác ý cũng vắng lặng. Tánh hằng trụ xả vắng lặng, nên phải biết tác ý cũng vắng lặng. Pháp vô vong thất vô giác tri, nên phải biết tác ý cũng vô giác tri. Tánh hằng trụ xả vô giác tri, nên phải biết tác ý cũng vô giác tri.

Xá-lợi-tử! Tất cả đà la ni môn chẳng phải có, nên biết tác ý cũng chẳng phải có. Tất cả tam ma địa môn chẳng phải có, nên biết tác ý cũng chẳng phải có. Tất cả đà la ni môn không có thật, nên phải biết tác ý cũng không có thật. Tất cả tam ma địa môn không có thật, nên phải biết tác ý cũng không có thật. Tất cả đà la ni môn không có tự tánh, nên phải biết tác ý cũng không có tự tánh. Tất cả tam ma địa môn không có tự tánh, nên phải biết tác ý cũng không có tự tánh. Tất cả đà la ni môn không, nên phải biết tác ý cũng không. Tất cả tam ma địa môn không, nên phải biết tác ý cũng không. Tất cả đà la ni môn xa lìa, nên phải biết tác ý cũng xa lìa. Tất cả tam ma địa môn xa lìa, nên phải biết tác ý cũng xa lìa. Tất cả đà la ni môn vắng lặng, nên phải biết tác ý cũng vắng lặng. Tất cả tam ma địa môn vô giác tri, nên phải biết tác ý cũng vô giác tri. Tất cả tam ma địa môn vô giác tri, nên phải biết tác ý cũng vô giác tri.

Xá-lợi-tử! Nhất thiết trí chẳng phải có, nên biết tác ý cũng chẳng phải có. Đạo tướng trí, nhất thiết tướng trí chẳng phải có, nên biết tác ý cũng chẳng phải có. Nhất thiết trí không có thật, nên phải biết tác ý cũng không có thật. Đạo tướng trí, nhất thiết tướng trí không có thật, nên phải biết tác ý cũng không có thật. Nhất thiết trí không có tự tánh, nên phải biết tác ý cũng không có tự tánh. Đạo tướng trí, nhất thiết tướng trí không có tự tánh, nên phải biết tác ý cũng không có tự tánh. Nhất thiết trí không, nên phải biết tác ý cũng không. Đạo tướng trí, nhất thiết tướng trí không, nên phải biết tác ý cũng không. Nhất thiết xa lìa, nên phải biết tác ý cũng xa lìa. Đạo tướng trí, nhất thiết tướng trí xa lìa, nên phải biết tác ý cũng xa lìa. Nhất thiết trí vắng lặng, nên phải biết tác ý cũng vắng lặng. Đạo tướng trí, nhất thiết tướng trí vắng lặng, nên phải biết tác ý cũng vắng lặng. Nhất thiết vô giác tri, nên phải biết tác ý cũng vô giác tri. Đạo tướng trí, nhất thiết tướng trí vô giác tri, nên phải biết tác ý cũng vô giác tri.

Xá-lợi-tử! Thanh văn Bồ đề chẳng phải có, nên biết tác ý cũng chẳng phải có. Độc giác Bồ đề, Vô thượng Bồ đề chẳng phải có, nên biết tác ý cũng chẳng phải có. Thanh văn Bồ đề không có thật, nên phải biết tác ý cũng không có thật. Độc giác Bồ đề, Vô thượng Bồ đề không có thật, nên phải biết tác ý cũng không có thật. Thanh văn Bồ đề không có tự tánh, nên phải biết tác ý cũng không có tự tánh. Độc giác Bồ đề, Vô thượng Bồ đề không có tự tánh, nên phải biết tác ý cũng không có tự tánh. Thanh văn Bồ đề không, nên phải biết tác ý cũng không. Độc giác Bồ đề, Vô thượng Bồ đề không, nên phải biết tác ý cũng không. Thanh văn Bồ đề xa lìa, nên phải biết tác ý cũng xa lìa. Độc giác Bồ đề, Vô thượng Bồ đề xa lìa, nên phải biết tác ý cũng xa lìa. Thanh văn Bồ đề vắng lặng, nên phải biết tác ý cũng vắng lặng. Độc giác Bồ đề, Vô thượng Bồ đề vắng lặng, nên phải biết tác ý cũng vắng lặng. Thanh văn Bồ đề vô giác tri, nên phải biết tác ý cũng vô giác tri. Độc giác Bồ đề, Vô thượng Bồ đề vô giác tri, nên phải biết tác ý cũng vô giác tri.

Xá-lợi-tử! Do vì duyên có này, nên các Bồ-tát Ma-ha-tát trụ an trụ như vậy, thường nên chẳng bỏ đại bi tác ý.

Bây giờ, Đức Thế Tôn khen Thiện Hiện rằng: Hay thay, hay thay! Người khéo hay vì Bồ-tát Ma-ha-tát mà tuyên nói Bát-nhã Ba-la-mật đa, đầy đều là sức oai thần của Như Lai. Các kẻ có muốn vì Bồ-tát Ma-ha-tát mà tuyên nói Bát-nhã Ba-la-mật đa, đều nên như người đã tuyên nói. Có các Bồ-tát Ma-ha-tát muốn học Bát-nhã Ba-la-mật đa, đều nên theo người đã nói mà học.

Khi cụ thọ Thiện Hiện vì các Bồ-tát Ma-ha-tát thuyết Bát-nhã Ba-la-mật này, nơi Tam thiên đại thiên thế giới đây sáu thứ biến động là động rất động, đảnh rất đảnh, vọt rất vọt, đảnh rất vọt, chấn rất chấn, đảnh rất chấn, kích rất kích, đảnh rất kích, rỗng rất rỗng, đảnh rất rỗng, bạo rất bạo, đảnh rất bạo. Đông vọt Tây lặn, Tây vọt Đông lặn, Nam vọt Bắc lặn, Bắc vọt Nam lặn, giữa vọt bìa lặn, bìa vọt giữa lặn.

Bấy giờ, Đức Như Lai liền bèn mỉm cười. Cụ Thọ Thiện Hiện thưa: Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên nào mà hiện lên cười này?

Phật bảo Thiện Hiện rằng: Như ta ở thế giới Kham Nhãn Tam thiên này, vì các Bồ-tát Ma-ha-tát tuyên thuyết Bát-nhã Ba-la-mật đa. Nay ở mười phương vô lượng vô số vô biên thế giới, các Phật Thế Tôn cũng vì các Bồ-tát Ma-ha-tát tuyên thuyết Bát-nhã Ba-la-mật đa. Như nay ở thế giới Kham Nhãn Tam thiên đại thiên này, có mười hai muôn ức các trời người thấy ghe thuyết Bát-nhã Ba-la-mật đa, đối trong các pháp đực vô sanh nhẫn. Nay ở mười phương vô lượng vô số vô biên thế giới, đều có vô lượng vô số vô biên hữu tình nghe các Phật kia thuyết lên Bát-nhã Ba-la-mật đa, cũng phát tâm Vô thượng Chánh đảnh Bồ Đề.